



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Hoàng (Hans Nguyễn)	Chủ tịch		
Ông Thân Minh Thuận	Thành viên		
Ông Hata Kojiro	Thành viên		
Ông Phạm Phú Nguyên	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Nguyễn Đức Tùng	Thành viên độc lập		Ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên độc lập		
Ông Nguyễn Đức Ngọc	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	

Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Trần Thị Sương	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 01 năm 2025	
Ông Trần Hải Phong	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 9 năm 2024	Ngày 09 tháng 01 năm 2025
Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc		Ngày 16 tháng 9 năm 2024

Ủy ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đức Tùng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán		Ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên Ủy ban Kiểm toán		

Người đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Trần Thị Sương	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 01 năm 2025	
Ông Trần Hải Phong	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 9 năm 2024	Ngày 09 tháng 01 năm 2025
Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc		Ngày 16 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Trần Thị Suong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Số: 005 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:** Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (“Công ty”), được lập ngày 14 tháng 1 năm 2025, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 1 năm 2025



Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4924-2024-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.126.173.970	71.725.025.015
I. Tiền	110	4	1.230.947.641	20.870.959.852
1. Tiền	111		1.230.947.641	20.870.959.852
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	18.767.392.438	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		18.980.444.728	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(213.052.290)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.946.865.033	48.336.527.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.674.161	101.319.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		148.560.800	73.527.667
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	35.300.000.000	15.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	26.398.630.072	32.861.681.131
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.968.858	2.517.537.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	86.429.363	3.233.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.195.114	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	33.344.381	2.514.303.933
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.796.538.861	191.281.873.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	145.987.470
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	145.987.470
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.609.939.255	596.663.409
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.609.939.255	596.663.409
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	190.000.000.000	190.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		190.000.000.000	190.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		186.599.606	539.223.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	186.599.606	539.223.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		273.922.712.831	263.006.898.955

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.740.676.475	3.873.135.489
I. Nợ ngắn hạn	310		6.740.676.475	3.873.135.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		955.633	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.464.222.955	4.743.154
3. Phải trả người lao động	314		138.097.826	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		170.000.000	130.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	1.203.035.313	73.999.612
6. Vay ngắn hạn	320	13	99.972.025	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.664.392.723	3.664.392.723
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.182.036.356	259.133.763.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	267.182.036.356	259.133.763.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		257.209.020.000	257.209.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		257.209.020.000	257.209.020.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.973.016.356	1.924.743.466
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.924.743.466	1.231.766.193
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.048.272.890	692.977.273
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		273.922.712.831	263.006.898.955



Trần Thị Sương
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.119.979.207	2.647.736.327
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	16	1.119.979.207	2.647.736.327
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	88.284.117	139.722.222
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.031.695.090	2.508.014.105
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.579.189.527	2.244.056.797
6. Chi phí tài chính	22	20	1.272.345.089	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.486.887	-
7. Chi phí bán hàng	25	21	23.206.194	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	2.746.836.048	2.084.085.416
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.568.497.286	2.667.985.486
10. Thu nhập khác	31	22	7.500.000.000	8.750.001
11. Chi phí khác	32	23	8.156.173	1.445.965.517
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.491.843.827	(1.437.215.516)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.060.341.113	1.230.769.970
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.012.068.223	537.792.697
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.048.272.890	692.977.273



Trần Thị Sương
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
			Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.060.341.113	1.230.769.970
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	8.750.001
- Các khoản dự phòng	03	213.052.290	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.008.726.910)	(2.252.806.798)
- Chi phí lãi vay	06	180.486.887	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.445.153.380	(1.013.286.827)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.740.306.243	41.515.363.048
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.722.174.874	(49.464.995.812)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	269.427.425	(542.456.394)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(18.980.444.728)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(180.486.887)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(966.674.136)	(852.788.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.950.543.829)	(10.358.164.577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.013.275.846)	(33.306.663.409)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	210.000.000
3. Tiền chi cho vay	23	(162.290.000.000)	(20.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	142.290.000.000	5.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(190.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.223.835.439	2.748.993.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.789.440.407)	(235.647.670.208)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	39.660.168.425	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.560.196.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	99.972.025	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(19.640.012.211)	(246.005.834.785)
Tiền đầu năm	60	20.870.959.852	266.876.794.637
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	1.230.947.641	20.870.959.852



Trần Chi Suong
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 ngày 14 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 08 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, tư vấn, xây dựng, chế biến và trồng trọt.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Hoạt động tư vấn quản lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet	19/10/5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	79,17	79,17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Công ty TNHH Smoving	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Visalt (i)	Số 2, Đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 1, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	36,54	36,54	Sản xuất, chế biến các sản phẩm muối

Công ty Cổ phần Visalt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900693648 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17 tháng 5 năm 2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet (“Công ty con gián tiếp của Công ty”) chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Visalt.

Theo Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 52/NQ-HĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Visalt, đã thống nhất thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Visalt, quyết định dừng mọi hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Visalt để tiến hành thủ tục giải thể.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đồng thời, Báo cáo tài chính riêng cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính Hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa của phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trang trí nội thất văn phòng: là chi phí cải tạo văn phòng làm việc và chi phí đồ dùng văn phòng, được phân bổ trong 02 năm từ khi bắt đầu sử dụng.

Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua .

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Smoving	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Visalt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiền	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thành Phát Đạt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Thành viên chủ chốt

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản//lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	198.155.000	214.136.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.032.792.641	20.656.823.359
Cộng	<u>1.230.947.641</u>	<u>20.870.959.852</u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh (i)						
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao Su Đồng Nai (Mã CDR, tương đương 332.000 Cổ phiếu)	3.021.356.000	-	4.581.600.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Mã BCE, tương đương 1.490.000 Cổ phiếu)	8.927.118.200	-	12.665.000.000	-	-	-
Các cổ phiếu khác	7.031.970.528	(213.052.290)	6.988.140.000	-	-	-
Cộng	<u>18.980.444.728</u>	<u>(213.052.290)</u>	<u>24.234.740.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (ii)	190.000.000.000	-	(*)	190.000.000.000	-	(*)
Cộng	<u>190.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>190.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(i) Các chứng khoán kinh doanh tăng thêm trong năm đều do mua mới.

(ii) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (“Ecogreen Agri”, tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8) với tỷ lệ sở hữu của Công ty là 95%. Hoạt động chính Ecogreen Agri là hoạt động tư vấn quản lý. Báo cáo tài chính của Ecogreen Agri có lãi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và có lãi lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch chủ yếu sau với Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam		
Cho vay	35.300.000.000	-
Góp vốn	-	190.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	213.052.290	-
Số cuối năm	213.052.290	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	99.674.161	101.319.099
Cộng	99.674.161	101.319.099

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Golden Caju	-	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (i)	35.300.000.000	-
Cộng	35.300.000.000	15.300.000.000

(i) Khoản cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam theo Hợp đồng số 1612/2024/HĐVV ngày 18 tháng 12 năm 2024, hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.398.630.072	-	32.861.681.131	-
Tạm ứng	-	-	10.000.000	-
Ông Trần Duy Thiện (i)	-	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	1.131.070.000	-	-	-
Tiền lãi dự thu	67.572.602	-	282.681.131	-
- Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam	67.572.602	-	-	-
- Công ty TNHH Golden Caju	-	-	282.681.131	-
Ký cược, ký quỹ	25.199.987.470	-	25.069.000.000	-
- Ông Lê Thanh Huy (ii)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bất động sản Thành Phố Mới	179.987.470	-	-	-
- Các đối tượng khác	20.000.000	-	69.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	145.987.470	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	145.987.470	-
- Công ty TNHH Bất động sản Thành Phố Mới	-	-	145.987.470	-
Cộng	26.398.630.072	-	33.007.668.601	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số phải thu đầu năm là giá trị đặt cọc để Công ty mua 04 thửa đất tại Thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với ông Trần Duy Thiện. Tuy nhiên, hợp đồng không tiếp tục thực hiện được, do đó ông Thiện phải hoàn trả tiền cọc và bồi thường tiền phạt vi phạm hợp đồng với giá trị 7.500.000.000 VND (Xem thuyết minh số 22). Số tiền đặt cọc và tiền phạt vi phạm hợp đồng đã thu được toàn bộ trong năm nay.
- (ii) Đây là giá trị đặt cọc để Công ty mua 03 thửa đất tại Thôn Ba Dùi, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC/ST8-LTH ngày 26 tháng 6 năm 2023.
 - Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cá nhân là ông Lê Thanh Huy.
 - Tổng diện tích đã được cấp quyền sử dụng đất của cả 03 thửa là 45.637,9 m².
 - Công ty đã hoàn thiện việc thanh toán tiền đặt cọc mua 3 lô đất này, đang tiến hành thương thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
 - Số tiền đặt cọc đã được chuyển đến tài khoản cá nhân ông Lê Thanh Huy là 25.000.000.000 VND.
 - Khoản đầu tư được thông qua tại Nghị quyết số 63/2023/ST8/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, tiếp tục chủ trương đầu tư dự án Trầm Hương Resorts.
 - Do một số vấn đề pháp lý về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên Ông Lê Thanh Huy đã làm đơn đề nghị gia hạn thời gian hoàn thành việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của 3 lô đất này đến quý 3 năm 2025. Công ty đã chấp nhận đơn đề nghị theo Công văn số 01/CVCT/ST8-LTH ngày 28 tháng 02 năm 2024.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	86.429.363	3.233.333
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.850.645	3.233.333
Các khoản khác	82.578.718	-
b) Dài hạn	186.599.606	539.223.061
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.024.540	78.053.944
Chi phí trang trí, nội thất văn phòng	136.437.069	461.169.117
Các khoản khác	15.137.997	-
Cộng	273.028.969	542.456.394

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/được hoàn	Số đã nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	2.487.205.112	2.906.033.980	418.828.868	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.573.478	112.110.000	118.355.560	18.819.038
Các loại thuế khác	14.525.343	-	-	14.525.343
Cộng	2.514.303.933	3.018.143.980	537.184.428	33.344.381
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
b) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	4.743.154	8.842.578	13.585.732	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.012.068.223	547.845.268	1.464.222.955
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.743.154	2.023.910.801	564.431.000	1.464.222.955

(i) Trong năm, Công ty được hoàn thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo quyết định số 45702/QĐ-CTTPHCM-KĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 với số tiền là 2.906.033.980 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Trầm Hương resorts (i)	1.588.879.255	596.663.409
Phần mềm kế toán	21.060.000	-
Cộng	1.609.939.255	596.663.409

(i) Đây là các chi phí liên quan đến việc xây dựng của dự án Trầm Hương resorts. Dự án được thông qua theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 63/2023/ST8/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tiếp tục chủ trương đầu tư dự án. Địa điểm dự án: Thông Ba Dùi, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Tổng quy mô diện tích đất: 4,53 ha.

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40.848.555	40.848.555
Các khoản thu hộ	33.151.057	33.151.057
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	1.129.035.701	-
Cộng	1.203.035.313	73.999.612

13. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS	-	-	30.836.196.512	30.836.196.512	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	-	-	4.941.634.868	4.941.634.868	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	-	-	3.882.337.045	3.782.365.020	99.972.025	99.972.025
Cộng	-	-	39.660.168.425	39.560.196.400	99.972.025	99.972.025

Đây là các khoản vay ký quỹ (vay margin) mua chứng khoán tại các Công ty Chứng khoán, tài sản đảm bảo là các chứng khoán mua qua Công ty Chứng khoán này.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	257.209.020.000	1.231.766.193	258.440.786.193
Lãi trong năm	-	692.977.273	692.977.273
Số dư đầu năm	257.209.020.000	1.924.743.466	259.133.763.466
Lãi trong năm	-	8.048.272.890	8.048.272.890
Số dư cuối năm nay	257.209.020.000	9.973.016.356	267.182.036.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302563707, sửa đổi lần thứ 28 ngày 14 tháng 01 năm 2025, Vốn Điều lệ của Công ty là 257.209.020.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi tiết Vốn Điều lệ đã được góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Thân Minh Thuận	790.700	3,07%	-	0,00%
Ông Nguyễn Lê Quang	462.000	1,80%	-	0,00%
Bà Kim Thị Thu Vân	435.900	1,69%	-	0,00%
Ông Nguyễn Văn Đại	-	0,00%	3.150.000	12,25%
Bà Trịnh Thị Thanh Truyền	-	0,00%	1.250.000	4,86%
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	0,00%	1.220.000	4,74%
Các cổ đông khác	24.032.302	93,43%	20.100.902	78,15%
Tổng cộng	25.720.902	100%	25.720.902	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức đã thanh toán trong năm nay là 0 VND (năm trước là 0 VND).

15. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động chính là tư vấn quản lý và định hướng Công ty theo mô hình sở hữu tài sản (mô hình Holdings – mô hình công ty gồm công ty mẹ và nhiều công ty con, trong đó công ty mẹ nắm giữ vốn đầu tư vào các công ty con). Do đó, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Toàn bộ hoạt động chính của Công ty phát sinh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

16. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.119.979.207	2.647.736.327
Cộng	1.119.979.207	2.647.736.327

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	88.284.117	139.722.222
Cộng	88.284.117	139.722.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.101.818	30.294.552
Chi phí nhân công	769.762.651	881.189.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	8.750.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.777.261.890	1.041.339.452
Chi phí khác bằng tiền	231.200.000	262.234.600
Cộng	2.858.326.359	2.223.807.638

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.046.232	544.829.070
Lãi cho vay	2.993.680.678	1.699.227.727
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	2.570.462.617	-
Cộng	5.579.189.527	2.244.056.797

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	180.486.887	-
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	778.861.019	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	213.052.290	-
Chi phí tài chính khác	99.944.893	-
Cộng	1.272.345.089	-

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.206.194	-
Cộng	23.206.194	-
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	681.478.534	741.466.811
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.101.818	30.294.552
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	8.750.001
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.754.055.696	1.041.339.452
Các khoản chi phí QLDN khác	228.200.000	259.234.600
Cộng	2.746.836.048	2.084.085.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8.750.001
Thu từ vi phạm hợp đồng (i)	7.500.000.000	-
Cộng	7.500.000.000	8.750.001

(i) Đây khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng với ông Trần Duy Thiện về việc thanh lý trước hạn hợp đồng đặt cọc để Công ty mua 04 thửa đất tại Thôn Hòa Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa (Xem thuyết minh số 8).

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	-	1.440.693.517
Các khoản khác	8.156.173	5.272.000
Cộng	8.156.173	1.445.965.517

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.060.341.113	1.230.769.970
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>-</i>	<i>1.458.193.517</i>
Thu nhập chịu thuế	10.060.341.113	2.688.963.487
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.012.068.223	537.792.697

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của các cổ đông bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	99.972.025	-
Trừ: Tiền	1.230.947.641	20.870.959.852
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	267.182.036.356	259.133.763.466
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00	0,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(Trình bày lại)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(Trình bày lại)</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	1.230.947.641	20.870.959.852	1.230.947.641	20.870.959.852
Chứng khoán kinh doanh	18.980.444.728	-	24.234.740.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.298.316.763	394.000.230	1.298.316.763	394.000.230
Các khoản ký quỹ	25.199.987.470	7.714.987.470	25.199.987.470	7.714.987.470
Phải thu về cho vay	35.300.000.000	15.300.000.000	35.300.000.000	15.300.000.000
Tổng cộng	82.009.696.602	44.279.947.552	87.263.991.874	44.279.947.552
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	99.972.025	-	99.972.025	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.203.990.946	73.999.612	1.203.990.946	73.999.612
Chi phí phải trả	170.000.000	130.000.000	170.000.000	130.000.000
Tổng cộng	1.473.962.971	203.999.612	1.473.962.971	203.999.612

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

5856-002
II NHÁNH
HỒ CHỈ
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM TOÁN
JACO
H - T.P H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	1.230.947.641	-	1.230.947.641
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.298.316.763	-	1.298.316.763
Chứng khoán kinh doanh	18.980.444.728	-	18.980.444.728
Các khoản ký quỹ	25.199.987.470	-	25.199.987.470
Phải thu về cho vay	35.300.000.000	-	35.300.000.000
Tổng cộng	82.009.696.602	-	82.009.696.602
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	99.972.025	-	99.972.025
Phải trả người bán và phải trả khác	1.203.990.946	-	1.203.990.946
Chi phí phải trả	170.000.000	-	170.000.000
Tổng cộng	1.473.962.971	-	1.473.962.971
Chênh lệch thanh khoản thuần	80.535.733.631	-	80.535.733.631
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	20.870.959.852	-	20.870.959.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	394.000.230	-	394.000.230
Phải thu về cho vay	15.300.000.000	-	15.300.000.000
Các khoản ký quỹ	-	7.714.987.470	7.714.987.470
Tổng cộng	36.564.960.082	7.714.987.470	44.279.947.552
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	73.999.612	-	73.999.612
Chi phí phải trả	130.000.000	-	130.000.000
Tổng cộng	203.999.612	-	203.999.612
Chênh lệch thanh khoản thuần	36.360.960.470	7.714.987.470	44.075.947.940

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67.572.602 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 282.681.282 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Trần Thị Hương
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

